

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2021

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông 03 tháng đầu năm 2021, cụ thể như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 03 tháng đầu năm 2021 là 764.511 triệu đồng, đạt 33% dự toán Trung ương, 28% dự toán địa phương, tăng 11% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 699.235 triệu đồng, đạt 31% dự toán Trung ương, 26% dự toán địa phương, tăng 7% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Một số khoản thu vượt tiến độ như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 42.765 triệu đồng, đạt 122% dự toán Trung ương, 58% dự toán địa phương, tăng 179% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 182.987 triệu đồng, đạt 33% dự toán Trung ương, 30% dự toán địa phương, tăng 31% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; lệ phí trước bạ 38.304 triệu đồng, đạt 36% dự toán, tăng 36% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; thuế thu nhập cá nhân 65.328 triệu đồng, đạt 57% dự toán Trung ương, 55% dự toán địa phương, tăng 52% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Một số khoản thu chưa đạt tiến độ theo dự toán giao, gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 116.800 triệu đồng, đạt 22% dự toán Trung ương, 20% dự toán địa phương; tiền thuê mặt đất, mặt nước 4.459 triệu đồng, đạt 22% dự toán Trung ương, 3% dự toán địa phương; Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 7.938 triệu đồng, đạt 16% dự toán Trung ương, 15% dự toán địa phương, giảm 77% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu xuất nhập khẩu 62.371 triệu đồng, đạt 57% so với dự toán, tăng 133% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 2.905 triệu đồng, giảm 66% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 03 tháng đầu năm 2021 cơ bản thuận lợi, đa số các khoản thu, sắc thuế lớn đều đạt và vượt tiến độ theo dự toán được giao. Số liệu cụ thể thống kê theo từng sắc thuế như sau: Các khoản thu từ Thuế khoảng 529.000 triệu đồng, chiếm 69% tổng thu NSNN trên địa bàn; các khoản thu từ phí, lệ phí khoảng 88.000 triệu đồng, chiếm 12% tổng thu NSNN trên địa bàn; các khoản thu khác ngoài thuế, phí, lệ phí khoảng 147.000 triệu đồng, chiếm 19% tổng thu NSNN trên địa bàn, trong đó: Tiền sử dụng đất 105.000 triệu đồng.

II. Chi ngân sách địa phương (NSĐP):

Tổng chi NSĐP thực hiện 03 tháng đầu năm 2021 (bao gồm cả các khoản chi từ nguồn năm trước chuyển sang) là 1.932.523 triệu đồng, đạt 27% dự toán, bằng 90% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN). Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 945.660 triệu đồng, đạt 47% dự toán, giảm 14% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi thường xuyên 986.863 triệu đồng, đạt 21% dự toán, giảm 5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề 411.525 triệu đồng, đạt 21% dự toán, tăng 1% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; Chi khoa học và công nghệ 6.451 triệu đồng, đạt 40% dự toán, tăng 54% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; Chi bảo vệ môi trường 1.790 triệu đồng, đạt 4% dự toán, giảm 70% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2021 được triển khai kịp thời nhằm đảm bảo kinh phí chi lương, chính sách chế độ cho các đối tượng chính sách trong dịp Tết Nguyên đán, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong các tháng đầu năm như hạn hán, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và dịch Covid-19.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2021 của tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (V).



Nguyễn Đình Trung

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	7.336.759	2.064.381	28	97
I	Thu cân đối NSDP	2.443.630	655.953	27	109
1	Thu nội địa	2.443.630	653.048	27	110
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu huy động đóng góp	-	2.905		34
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	357.723		107
IV	Thu kết dư ngân sách		-		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		99		66
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.893.129	1.047.701	21	89
B	TỔNG CHI NSDP	7.061.815	1.932.523	27	90
1	Chi đầu tư phát triển	2.028.833	945.660	47	86
2	Chi thường xuyên	4.670.875	986.863	21	95
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.300		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	-	
5	Dự phòng ngân sách	111.773	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	248.035		-	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	25.373		-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	23.527		-	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2021 TW giao	Dự toán 2021 ĐP giao	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.344.700	2.750.000	764.511	33	28	111
I	Thu nội địa	2.234.700	2.640.000	699.235	31	26	107
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	529.600	588.780	116.800	22	20	114
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	22.000	22.000	7.607	35	35	54
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	35.000	73.900	42.765	122	58	279
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	550.000	619.570	182.987	33	30	131
5	Thuế thu nhập cá nhân	115.000	118.350	65.328	57	55	152
6	Thuế bảo vệ môi trường	160.000	160.000	43.533	27	27	107
7	Lệ phí trước bạ	105.000	105.000	38.304	36	36	136
8	Các loại phí, lệ phí	179.700	192.300	49.961	28	26	68
9	Các khoản thu về nhà, đất	395.400	590.100	109.882	28	19	85
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-			-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200	104	52	52	242
-	Thu tiền sử dụng đất	375.000	450.000	105.319	28	23	82
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.200	139.900	4.459	22	3	746
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN		-				
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	52.000	7.938	16	15	23
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						34
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	23.000	23.000	7.409	32	32	97
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
14	Thu khác ngân sách	70.000	95.000	26.721	38	28	
II	Thu từ dầu thô	-	-	-			
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	110.000	110.000	62.371	57	57	233
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	44.000	44.000	45.665	104	104	425
2	Thuế xuất khẩu	66.000	66.000	16.161	24	24	113
3	Thuế nhập khẩu			545			31
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu viện trợ						
V	Thu huy động đóng góp			2.905			34
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2.263.047	2.443.630	653.048	29	27	110
1	Từ các khoản thu phân chia	918.700	1.029.560	332.464	36	32	138
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.344.347	1.414.070	320.584	24	23	90

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSĐP	7.061.815	1.932.523	27	90
I	Chi đầu tư phát triển	2.028.833	945.660	47	86
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		5.000		167
3	Chi đầu tư phát triển khác		4.000		
II	Chi thường xuyên	4.670.875	986.863	21	95
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.969.560	411.525	21	101
2	Chi khoa học và công nghệ	16.165	6.451	40	154
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		125.344		87
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		14.968		106
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		6.083		88
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		1.793		145
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	50.428	1.790	4	30
8	Chi sự nghiệp kinh tế		94.209		68
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		215.131		83
10	Chi bảo đảm xã hội		46.138		105
III	Chi trả lãi các khoản vay	1.300		-	
IV	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	248.035		-	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		-	
VI	Dự phòng ngân sách	111.773		-	

2/